

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU
LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KINH DOANH
BẢO HIỂM, LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Ngày 14/6/2019, Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 7 đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ (Luật số 42/2019/QH14) để thực thi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2019, trừ một số quy định về sở hữu trí tuệ có hiệu lực từ ngày 14/01/2019.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

Được sự đồng ý của Bộ Chính trị tại văn bản số 6050-CV/VPTW ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Văn phòng Trung ương Đảng và của Chính phủ tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 05/3/2018, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ký Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và các văn bản liên quan cùng Bộ trưởng phụ trách kinh tế của các nước Úc, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru và Singapore vào ngày 08/3/2018 tại Santiago, Chile. Sau khi ký Hiệp định, các nước sẽ tiến hành thủ tục pháp lý trong nước, bao gồm việc phê chuẩn Hiệp định theo quy định của pháp luật nước mình để Hiệp định có hiệu lực.

Tại Báo cáo số 522/BC-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ Thuyết minh về Hiệp định CPTPP gửi Quốc hội, theo đó đối với các văn bản luật được kiến nghị sửa đổi, bổ sung nhưng chưa đưa được vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018 và năm 2019 (gồm Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Kinh doanh bảo hiểm) và có các cam kết phải thực hiện ngay khi Hiệp định có hiệu lực (Luật An toàn thực phẩm), đề nghị bổ sung sớm vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh và trong trường hợp khả thi thì đưa vào “một luật sửa nhiều luật” và Luật này sẽ được trình lên Quốc hội theo trình tự, thủ tục rút gọn để Chính phủ có thể trình dự luật này ra Quốc hội ngay tại kỳ họp thứ 7 vào tháng 5 năm 2019.

Sau khi xem xét Báo cáo thuyết minh về Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương cùng các văn kiện liên quan số 522/BC-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số 2905/BC-UBĐN14 ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội và trên cơ sở ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018 Phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương cùng các văn kiện liên quan, theo đó tại Phụ lục 3 của Nghị quyết ban hành danh mục các luật cần phải sửa đổi, bổ sung theo lộ trình cam kết trong Hiệp định CPTPP (trong đó có Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật An toàn thực phẩm).

Để thực thi Hiệp định CPTPP, tổng số luật cần phải sửa đổi, bổ sung là 08 luật, gồm: Bộ luật Lao động; Luật Phòng, chống tham nhũng (đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV và nội dung đã đáp ứng được yêu cầu của Hiệp định CPTPP); Luật Tổ cáo (đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIV và nội dung đã đáp ứng được yêu cầu của Hiệp định CPTPP); Bộ luật Hình sự; Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Kinh doanh bảo hiểm; Luật Sở hữu trí tuệ; Luật An toàn thực phẩm.

Do vậy, việc ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Sở hữu trí tuệ theo trình tự, thủ tục rút gọn là cần thiết với các lý do cụ thể như sau:

1. Đối với Luật Kinh doanh bảo hiểm

Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2001 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010 bằng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011). Sau đó, Chính phủ và Bộ Tài chính đã ban hành 47 văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Hệ thống các văn bản này đã: (i) tạo khung khổ pháp lý minh bạch cho thị trường bảo hiểm trong nước; (ii) tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các doanh nghiệp; (iii) đảm bảo chặt chẽ từ khâu cấp phép đến quản lý các hoạt động của doanh nghiệp, xử lý vi phạm hành chính; (iv) đảm bảo hài hòa giữa quản lý giám sát thận trọng và tạo chủ động trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đã phát sinh một số vấn đề liên quan đến hoạt động phụ trợ

bảo hiểm dẫn đến phải nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung Luật Kinh doanh bảo hiểm như sau:

Việt Nam đã gia nhập WTO và tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do, gần đây nhất là Hiệp định CPTPP, theo đó Việt Nam cam kết mở cửa thị trường đối với hoạt động phụ trợ bảo hiểm. Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12/11/2018 của Quốc hội phê chuẩn Hiệp định CPTPP, đã ban hành danh mục các luật cần phải sửa đổi, bổ sung theo lộ trình cam kết trong Hiệp định CPTPP, trong đó có Luật Kinh doanh bảo hiểm (bổ sung quy định về dịch vụ phụ trợ bảo hiểm). Việc sử dụng quyền nội luật hóa cam kết giúp Việt Nam mở cửa thị trường một cách chủ động, thực hiện cam kết một cách chặt chẽ và hiệu quả, đồng thời đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, hoàn chỉnh đầy đủ các yếu tố của thị trường bảo hiểm trong nước.

Hoạt động phụ trợ bảo hiểm đang có xu hướng phát triển mạnh mẽ, có vai trò quan trọng thúc đẩy thị trường bảo hiểm phát triển lành mạnh, giúp các bên tham gia giảm thiểu rủi ro; đề phòng, hạn chế tổn thất; hạn chế gian lận bảo hiểm; tăng cường tính chuyên nghiệp của thị trường; tối ưu hóa chi phí, nguồn lực cho doanh nghiệp bảo hiểm; chi trả tiền bảo hiểm, bồi thường nhanh chóng, đầy đủ, kịp thời, bảo vệ quyền lợi của người tham gia bảo hiểm. Tại hầu hết các quốc gia, hoạt động này đang đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của nền kinh tế, giúp gia tăng năng lực cạnh tranh; tạo thêm nhiều cơ hội kinh doanh, khởi nghiệp; tăng cường áp dụng công nghệ, kết nối nội ngành và liên ngành; bảo vệ tốt hơn quyền lợi của người tiêu dùng.

Tại Việt Nam, thị trường bảo hiểm đã và đang sử dụng các dịch vụ phụ trợ bảo hiểm gồm: tư vấn bảo hiểm; đánh giá rủi ro bảo hiểm; tính toán bảo hiểm; giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm. Khi Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới thì lúc đó ngành bảo hiểm ở Việt Nam mức độ phát triển còn tương đối thấp. Toàn bộ các dịch vụ phụ trợ bảo hiểm khác như giám định tổn thất, tính toán phí bảo hiểm, tính toán rủi ro... vẫn nằm trong nội bộ của các công ty bảo hiểm do các chuyên viên có bằng cấp trong công ty bảo hiểm cung cấp dịch vụ đó trong lòng công ty bảo hiểm. Với sự phát triển của thị trường dịch vụ bảo hiểm, những năm vừa qua và hiện nay đã xuất hiện xu thế là những dịch vụ đó được chuyên môn hóa và người ta lập ra

các công ty chuyên làm những dịch vụ đó để cung cấp cùng lúc cho nhiều công ty bảo hiểm. Đứng trước thực tiễn đó, kết hợp với việc một lần nữa Việt Nam đưa ra cam kết của mình về mở cửa thị trường dịch vụ bảo hiểm trong Hiệp định CPTPP, việc đưa ra quy định các dịch vụ phụ trợ bảo hiểm để quản lý và thực thi theo cam kết tại Hiệp định CPTPP là cần thiết và phù hợp trong bối cảnh hiện nay.

Qua khảo sát kinh nghiệm và pháp luật một số nước, vùng lãnh thổ trên thế giới và trong khu vực (như Anh, Ấn Độ, Canada, Đài Loan, Hàn Quốc, Malaysia, Mỹ, New Zealand, Nhật Bản, Pháp, Singapore, Thái Lan, Úc...) cho thấy, hầu hết đều có quy định cụ thể, rõ ràng về hoạt động phụ trợ bảo hiểm. Các quy định này đã tạo hành lang pháp lý trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và sự phát triển của thị trường bảo hiểm; đồng thời tạo cơ sở để cơ quan quản lý bảo hiểm có đủ thẩm quyền, công cụ quản lý, giám sát hiệu quả hoạt động phụ trợ bảo hiểm.

Từ những lý do nêu trên, việc sửa đổi, bổ sung Luật Kinh doanh bảo hiểm là cần thiết.

2. Đối với Luật Sở hữu trí tuệ

Điều 3 Nghị quyết số 72/2018/QH14 giao Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo thẩm quyền tiến hành rà soát các dự án luật tại Phụ lục 3 của Nghị quyết và các văn bản pháp luật khác để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới kịp thời, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và đúng lộ trình thực hiện các cam kết trong Hiệp định CPTPP.

Theo Mục 2 Phụ lục 3 Nghị quyết số 72/2018/QH14, Luật Sở hữu trí tuệ phải được sửa đổi để thực hiện một số nghĩa vụ về sở hữu trí tuệ trong Hiệp định CPTPP. Trong số này, một số nghĩa vụ phải thực hiện ngay từ khi Hiệp định CPTPP có hiệu lực và một số nghĩa vụ có thời gian chuyển tiếp từ 3 đến 5 năm.

Theo đó, có 2 nội dung liên quan tới nhãn hiệu, 1 nghĩa vụ liên quan đến tên miền, 3 nghĩa vụ liên quan đến chỉ dẫn địa lý, 1 nghĩa vụ liên quan đến sáng chế và 4 nghĩa vụ liên quan đến bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Đối với nghĩa vụ liên quan đến tên miền, nghĩa vụ này lại được chia thành hai nghĩa vụ nhỏ hơn, bao gồm: (i) bảo đảm thủ tục giải quyết tranh chấp tên miền thích hợp tương tự như các nguyên tắc đã được quy định trong Chính sách thống nhất giải quyết tranh chấp tên miền, được Tổ chức cấp phát số hiệu và tên trên Internet (ICANN) thông qua; hoặc (ii) có chế tài thích hợp để xử lý trường hợp một người đăng ký hoặc nắm giữ tên miền trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu nhằm thu lợi bất chính.

Nghĩa vụ này đã được đáp ứng theo các quy định trong Luật Sở hữu trí tuệ và Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp. Tuy nhiên, việc thi hành các chế tài hành chính theo Nghị định này còn nhiều bất cập do vướng quy định của Thông tư liên tịch số 14/2016/TTLT-BTTTT-BKHCN ngày 08/6/2016 hướng dẫn trình tự, thủ tục thay đổi, thu hồi tên miền vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Việc xử lý xâm phạm tên miền nên được xử lý theo thủ tục về tranh chấp quyền sử dụng tên miền quy định tại Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. Bộ Thông tin Truyền thông sẽ trình việc sửa đổi Nghị định này để đáp ứng yêu cầu của Hiệp định CPTPP. Vì vậy, không cần đặt ra chính sách sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ để thi hành nghĩa vụ này.

Đối với 4 nghĩa vụ có thời gian chuyển tiếp 3-5 năm (bảo hộ nhãn hiệu âm thanh, bảo đảm thông tin và thời gian cho chủ bằng sáng chế thực thi quyền trước khi sản phẩm được đưa ra thị trường, bảo hộ độc quyền đối với dữ liệu thử nghiệm nông hóa phẩm, thẩm quyền mặc nhiên tiến hành các thủ tục biên giới của cơ quan hải quan), các nghĩa vụ này sẽ bắt đầu phải thi hành từ năm 2022, vì thế, các nghĩa vụ này dự kiến sẽ được đưa vào Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ được trình Quốc hội vào kỳ họp cuối năm 2021 (Bộ Khoa học và Công nghệ dự kiến trình Chính phủ hồ sơ xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ trong quý IV năm 2019. Trên cơ sở đó, Chính phủ trình Quốc hội xem xét đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021).

Đối với các nghĩa vụ còn lại, những vướng mắc, bất cập dẫn tới việc phải sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ cho tương thích với các quy định trong Hiệp định CPTPP tập trung ở một số vấn đề sau:

a) Vướng mắc, bất cập về quy định pháp luật

- Thứ nhất, Luật Sở hữu trí tuệ đã có quy định song chưa cụ thể: Nghĩa vụ phải quy định cơ quan tư pháp, khi xác định khoản bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) phải xem xét bất kỳ cách tính giá trị hợp pháp nào do chủ thể quyền đưa ra, trong đó có thể bao gồm lợi nhuận bị mất, giá trị của hàng hoá hoặc dịch vụ bị xâm phạm tính theo giá thị trường, hoặc theo giá bán lẻ được đề xuất (Điều 18.74.4 CPTPP); Nghĩa vụ cung cấp thông tin cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thu giữ hoặc từ ngày xác định hàng hoá là giả mạo nhãn hiệu hoặc sao chép lậu quyền tác giả đối với hàng nhập khẩu (Điều 18.76.4 CPTPP); Nghĩa vụ trong thủ tục bảo hộ hoặc công nhận chỉ dẫn địa lý, phải quy định chỉ dẫn địa lý có thể bị từ chối khi có ý kiến của người thứ ba phản đối việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý này trên cơ sở việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý đó có khả năng gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đang được bảo hộ tại Việt Nam (Điều 18.32.1.b CPTPP).

- Thứ hai, Luật Sở hữu trí tuệ không có quy định song đã triển khai thực hiện trong thực tiễn: Nghĩa vụ cho phép nộp đơn đăng ký và duy trì hiệu lực nhãn hiệu bằng phương tiện điện tử và có một hệ thống thông tin điện tử có thể truy cập công cộng, bao gồm cơ sở dữ liệu trực tuyến gồm các đơn đăng ký nhãn hiệu và nhãn hiệu đã được đăng ký (Điều 18.24 CPTPP).

- Thứ ba, Luật Sở hữu trí tuệ đã có quy định song trái với quy định tương ứng của Hiệp định CPTPP: Nghĩa vụ không được yêu cầu đăng ký việc chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu để xác lập hiệu lực của việc chuyển quyền sử dụng (Điều 18.27 CPTPP).

- Thứ tư, Luật Sở hữu trí tuệ hoàn toàn chưa có quy định như yêu cầu của Hiệp định CPTPP: Nghĩa vụ quy định Toà án có thẩm quyền yêu cầu bên thua kiện phải thanh toán cho bên thắng kiện phí luật sư thoả đáng, hoặc bất kỳ chi phí nào khác được quy định theo luật pháp của bên đó (Điều 18.74.10 b CPTPP); Nghĩa vụ quy định Toà án có thẩm quyền yêu cầu một bên bồi thường

thiệt hại đối với các thiệt hại thực tế (có thể bao gồm cả phí luật sư hợp lý) do việc lạm dụng thủ tục thực thi quyền sở hữu trí tuệ của bên đó gây ra (Điều 18.74.15 CPTPP).

b) Vướng mắc, bất cập về nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành Luật

- Thứ nhất, đối với cơ quan xác lập quyền sở hữu trí tuệ (Cục Sở hữu trí tuệ)

Nghĩa vụ cho phép nộp đơn đăng ký và duy trì hiệu lực nhãn hiệu bằng phương tiện điện tử và có một hệ thống thông tin điện tử có thể truy cập công cộng, bao gồm cơ sở dữ liệu trực tuyến (gồm các đơn đăng ký nhãn hiệu và nhãn hiệu đã được đăng ký) đòi hỏi Cục Sở hữu trí tuệ phải nâng cấp, vận hành hệ thống nộp đơn trực tuyến một cách đồng bộ, ổn định. Trong khi đó, điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật cũng như nguồn lực hiện nay của Cục Sở hữu trí tuệ chưa thể đáp ứng đầy đủ việc thực hiện các cam kết. Do đó, đòi hỏi nhà nước cần đầu tư các nguồn lực thỏa đáng (xây dựng và duy trì cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu, công cụ tra cứu...).

Các nghĩa vụ liên quan đến đánh giá một thuật ngữ có phải là tên gọi chung của hàng hóa tại Việt Nam; mở rộng ngoại lệ đối với tính mới của sáng chế... đặt ra yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ phải xem xét toàn diện các yếu tố để xử lý đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu, sáng chế... Do đó, có khả năng làm phức tạp thêm quá trình thẩm định, dễ dẫn tới kéo dài thời hạn thẩm định.

- Thứ hai, đối với các cơ quan thực thi hành chính

Nghĩa vụ cung cấp thông tin cho chủ thể quyền trong trường hợp cơ quan hải quan tạm giữ hàng hoá hoặc xác định hàng hoá là giả mạo quyền sở hữu trí tuệ sau khi đã tạm dừng thông quan sẽ làm tăng khối lượng công việc và chi phí cho cơ quan hải quan.

Nghĩa vụ bảo đảm thủ tục giải quyết tranh chấp tên miền thích hợp cũng như có chế tài thích hợp để xử lý trường hợp một người đăng ký hoặc nắm giữ tên miền trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu nhằm thu lợi với ý đồ xấu đòi hỏi cán bộ các cơ quan thực thi phải có trình độ chuyên môn sâu về sở hữu trí tuệ, như khi xác định hành vi cạnh tranh không lành mạnh khi tên miền xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ

dẫn địa lý chẳng hạn. Trong khi đó, trình độ chuyên môn về sở hữu trí tuệ của các cơ quan thực thi còn nhiều hạn chế, việc ban hành các quyết định xử lý vi phạm hành chính về SHTT còn phụ thuộc vào ý kiến chuyên môn của Cục Sở hữu trí tuệ hoặc kết quả giám định của Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ.

- Thứ ba, đối với Tòa án

Việc sửa đổi các quy định về giải quyết tranh chấp dân sự liên quan đến quyền SHTT (ví dụ, Tòa án có quyền yêu cầu bên lạm dụng thủ tục thực thi quyền sở hữu trí tuệ phải bồi thường cho bị đơn do sự lạm dụng thủ tục thực thi quyền; bên thua kiện phải thanh toán cho bên thắng kiện phí luật sư hợp lý trong các vụ xâm phạm quyền tác giả hoặc quyền liên quan, nhãn hiệu và sáng chế...) có khả năng làm phức tạp thêm các tranh chấp dân sự liên quan đến quyền SHTT tại Tòa án, đồng thời gia tăng số lượng các tranh chấp dân sự về quyền SHTT tại Tòa án. Quá trình giải quyết các tranh chấp dân sự này có thể sẽ rất phức tạp, đòi hỏi đội ngũ thẩm phán Tòa án phải có năng lực, kiến thức chuyên môn sâu về SHTT. Trong khi đó, hiện nay lại chưa có thẩm phán chuyên trách về SHTT tại các cấp Tòa án.

Như vậy, để thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước và thực hiện các quy định pháp luật trong nước để thực thi cam kết trong Hiệp định CPTPP và đảm bảo mục tiêu tham gia hiệu quả Hiệp định CPTPP và thi hành các cam kết phải thực thi ngay khi Hiệp định CPTPP có hiệu lực đối với Việt Nam, việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ để thực thi Hiệp định CPTPP là cần thiết. Ngày 14/6/2019, Quốc hội đã thông qua Luật số 42/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật trong nước để thực thi cam kết trong CPTPP và đảm bảo mục tiêu tham gia hiệu quả Hiệp định CPTPP và thi hành các cam kết phải thực thi ngay khi Hiệp định CPTPP có hiệu lực đối với Việt Nam.

- Đảm bảo thống nhất và đồng bộ với nội dung cam kết theo Hiệp định CPTPP đã được Quốc hội phê chuẩn tại Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018.

- Bảo đảm tính ổn định, thống nhất thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi, dễ tiếp cận, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống pháp luật phục vụ đặc lực cho sự nghiệp phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng.

2. Quan điểm chỉ đạo

Thứ nhất, thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về việc thi hành đầy đủ, nghiêm túc các cam kết quốc tế.

Thứ hai, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi, dễ tiếp cận, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống pháp luật; tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho tổ chức, cá nhân hoạt động một cách hiệu quả, góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế-xã hội.

Thứ ba, bảo đảm sự tương thích với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là Hiệp định CPTPP.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Đối với Luật Kinh doanh bảo hiểm

Nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Kinh doanh bảo hiểm tập trung vào một số vấn đề sau đây:

a) Bổ sung các quy định về giải thích từ ngữ đối với dịch vụ phụ trợ bảo hiểm; tư vấn bảo hiểm; đánh giá rủi ro bảo hiểm; tính toán bảo hiểm; giám định tổn thất bảo hiểm; hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm.

Đây là những từ ngữ mới phát sinh sau khi bổ sung nội dung phụ trợ bảo hiểm theo Hiệp định CPTPP, do đó, Luật đã bổ sung 06 khoản để giải thích các từ ngữ này và đã được thể hiện tại các khoản từ 21 đến 26 Điều 3 của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

+ Về từ ngữ “dịch vụ phụ trợ bảo hiểm”:

Đây là một nội dung mới chưa được định nghĩa trong các văn bản quy phạm pháp luật. Việc xây dựng khái niệm dịch vụ phụ trợ bảo hiểm trên cơ sở xác định rõ bản chất của dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, chủ thể, mục tiêu hoạt động và liệt kê nội dung các dịch vụ phụ trợ bảo hiểm cụ thể theo Hiệp định CPTPP và Nghị quyết số 72/2018/QH14.

+ Về các từ ngữ: tư vấn bảo hiểm; đánh giá rủi ro bảo hiểm; tính toán bảo hiểm; giám định tổn thất bảo hiểm; hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm.

Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế, thực tiễn hoạt động kinh doanh bảo hiểm tại thị trường Việt Nam, Luật đã bổ sung các khái niệm về tư vấn bảo hiểm; đánh giá rủi ro bảo hiểm; tính toán bảo hiểm; giám định tổn thất bảo hiểm; hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm.

b) Sửa đổi, bổ sung quy định về quyền tham gia các tổ chức xã hội - nghề nghiệp của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm:

Tại Điều 11 Luật Kinh doanh bảo hiểm hiện hành đã có quy định doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được tham gia các tổ chức xã hội - nghề nghiệp về kinh doanh bảo hiểm nhằm mục đích phát triển thị trường bảo hiểm, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của thành viên theo quy định của pháp luật. Do đó, để đảm bảo sự tương đồng về quyền của chủ thể tham gia vào hoạt động kinh doanh bảo hiểm, Luật đã bổ sung quy định về quyền tham gia các tổ chức xã hội - nghề nghiệp của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm.

Qua tham khảo kinh nghiệm một số nước (như Anh, Mỹ, Nhật, Pháp, Úc...) cho thấy, các nước này đều ghi nhận quyền tham gia tổ chức xã hội - nghề nghiệp của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp đại diện bảo vệ quyền lợi cho các chủ thể tham gia kinh doanh trong lĩnh vực này, hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trong việc xây dựng cơ chế chính sách, đảm bảo chất lượng hoạt động, cạnh tranh lành mạnh thông qua việc ban hành thống nhất các quy tắc đạo đức, ứng xử nghề nghiệp, quy trình nghiệp vụ; tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về bảo hiểm và phụ trợ bảo hiểm.

c) Bổ sung quy định về cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm:

Để bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và tổ chức, cá nhân khác thực hiện hoạt động phụ trợ bảo hiểm, Luật đã bổ sung 02 điều (Điều 93a, 93b) để quy định về nguyên tắc, chủ thể, trách nhiệm, hợp đồng, điều kiện cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm và sửa đổi, bổ sung Điều 105 về cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới, cụ thể như sau:

- Về cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm (Điều 93a):

Do dịch vụ phụ trợ bảo hiểm là loại hình dịch vụ mới được bổ sung vào hệ thống pháp luật kinh doanh bảo hiểm, cần có khung khổ pháp lý với những quan điểm, chỉ đạo nhất quán, xuyên suốt cho hoạt động này, vừa đáp ứng quản lý của nhà nước, vừa tạo điều kiện cho hoạt động phụ trợ bảo hiểm được thực hiện một cách hiệu quả, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, ngăn chặn cạnh tranh không lành mạnh. Vì vậy, khoản 1 Điều 93a đã đưa 3 nguyên tắc hoạt động phụ trợ bảo hiểm.

Về chủ thể cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, trên cơ sở cân nhắc kỹ lưỡng về năng lực cung cấp, khả năng bảo đảm trách nhiệm đã cam kết khi cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, cũng như nghiên cứu thông lệ quốc tế, khoản 2 Điều 93a Luật quy định cá nhân được quyền cung cấp một dịch vụ là tư vấn bảo hiểm; doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm các tổ chức khác có tư cách pháp nhân đủ điều kiện được quyền cung cấp cả năm dịch vụ phụ trợ bảo hiểm.

Về trách nhiệm cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, Luật quy định về trách nhiệm của cá nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, trong đó có trách nhiệm về bảo đảm tài chính là phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm có ảnh hưởng trực tiếp, trọng yếu đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm cốt lõi nên khoản 4 Điều 93a quy định hợp đồng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm phải được lập thành văn bản. Quy định này sẽ ràng buộc trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc tham gia hoạt động phụ trợ bảo hiểm, góp phần hạn chế tranh chấp phát sinh, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để hạn chế tình trạng doanh nghiệp lợi dụng “khe hở” để thực hiện các hành vi trốn thuế, gây thất thu cho ngân sách nhà nước.

- Về điều kiện cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm (Điều 93b):

Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm là bộ phận cấu thành của hoạt động kinh doanh bảo hiểm, vốn đang tồn tại trong thị trường bảo hiểm Việt Nam. Tuy nhiên, Luật Kinh doanh bảo hiểm hiện hành chưa có quy định về dịch vụ này. Trong khi đó, thị trường bảo hiểm càng phát triển thì dịch vụ phụ trợ bảo hiểm càng có tác động lớn tới sự lành mạnh của hoạt động kinh doanh bảo hiểm, giúp các bên tham gia bảo hiểm giảm thiểu rủi ro; đề phòng, hạn chế tổn thất; hạn chế gian lận bảo hiểm; tăng cường tính chuyên nghiệp của thị trường; tối ưu hóa chi phí, nguồn lực cho doanh nghiệp bảo hiểm; chi trả tiền bảo hiểm, bồi thường nhanh chóng, đầy đủ, kịp thời, bảo vệ quyền lợi của người tham gia bảo hiểm... Để đảm bảo chất lượng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, trách nhiệm của bên cung cấp dịch vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan, cần phải được bảo đảm bằng các điều kiện hoạt động cụ thể. Vì vậy, khoản 1, 2 Điều 93b của Luật đã quy định điều kiện hoạt động đối với cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn bảo hiểm và điều kiện đối với tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm. Ngoài ra, pháp luật hiện hành đang quy định một số tiêu chuẩn đối với các dịch vụ như tính toán bảo hiểm (Nghị định số 73/2016/NĐ-CP), giám định tổn thất bảo hiểm (Luật Thương mại), do đó Luật có quy định về việc đáp ứng các tiêu chuẩn này.

Nội dung của Luật thể hiện việc chuẩn hoá các dịch vụ phụ trợ bảo hiểm trên tinh thần mở cửa, nhưng có sự kiểm soát bằng điều kiện năng lực chuyên môn. Luật không quy định điều kiện về đăng ký, cấp giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp mà chỉ đưa ra điều kiện để làm cơ sở cho cơ quan quản lý nhà nước thực hiện hậu kiểm. Quy định này phù hợp với chủ trương đổi mới trong phương thức quản lý nhà nước, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, giúp doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hiệu quả hơn, đồng thời bảo vệ tốt hơn quyền lợi của khách hàng tham gia bảo hiểm, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước.

Trên cơ sở các quy định chung, khoản 3 Điều 93b giao Bộ Tài chính quy định về nội dung chương trình đào tạo, thi, cấp chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm đối với các cơ sở đào tạo trong nước và quy định việc công nhận đối với chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp để thực hiện cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm.

- Về cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới (khoản 2 Điều 105).

Ngoài Hiệp định CPTPP, Việt Nam cũng cam kết mở cửa thị trường đối với các hoạt động phụ trợ bảo hiểm trong nhiều Hiệp định thương mại tự do khác, đặc biệt là Hiệp định GATS trong WTO. Tuy nhiên, Luật Kinh doanh bảo hiểm hiện hành mới chỉ quy định về cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo hiểm, môi giới bảo hiểm qua biên giới, chưa quy định đối với dịch vụ phụ trợ bảo hiểm. Để tương đồng với Luật hiện hành về việc giao Chính phủ quy định chi tiết cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới, Luật sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 105 của Luật Kinh doanh bảo hiểm như sau: “2. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới; tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, cá nhân nước ngoài cung cấp dịch vụ tư vấn bảo hiểm qua biên giới theo quy định của Chính phủ.”

Dự kiến Chính phủ sẽ quy định chi tiết về đối tượng, điều kiện, phương thức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới và trách nhiệm của đối tượng cung cấp, đối tượng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới.

Phạm vi điều chỉnh của Luật này về cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới được áp dụng và phù hợp với mức độ cam kết cho các nước là thành viên của các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

Việc giám sát đối với tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới thực hiện bằng phương thức tiền kiểm (thông qua đối tượng sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm là doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm hoặc qua việc phải hợp tác với tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm tại Việt Nam) và hậu kiểm (chế độ báo cáo, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính).

d) Sửa đổi, bổ sung quy định về nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động phụ trợ bảo hiểm: Tương ứng với việc bổ sung các quy định về hoạt động phụ trợ bảo hiểm, khoản 1, khoản 4 Điều 120 của Luật Kinh doanh bảo hiểm đã được sửa đổi, bổ sung quy định về ban hành và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về phụ trợ bảo hiểm; giám sát đối với cung cấp dịch

vụ phụ trợ bảo hiểm. Đồng thời, bổ sung khoản 9a Điều 124 quy định về hành vi vi phạm quy định pháp luật về cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm. Quy định này tạo cơ sở pháp lý để cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm quản lý, giám sát và thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động phụ trợ bảo hiểm, góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước, đồng thời, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

đ) Nhằm tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đang hoạt động phụ trợ bảo hiểm có thời gian chuẩn bị để đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm và đảm bảo chế tài thực hiện, Điều 4 của Luật quy định điều khoản chuyển tiếp như sau: “Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực, cá nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm trước ngày Luật này có hiệu lực phải đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm theo quy định tại Luật này. Trường hợp sau 01 năm không đáp ứng các điều kiện theo quy định thì cá nhân, tổ chức không được tiếp tục cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm cho đến khi đáp ứng đủ điều kiện.”

e) Hiệu lực thi hành:

(i) Bổ sung mục 32a vào sau mục 32 Phụ lục 4 Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2015/QH13, Luật số 03/2016/QH14, Luật số 04/2017/QH14 và Luật số 28/2018/QH14 như sau:

“32a. Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm bao gồm tư vấn bảo hiểm, đánh giá rủi ro bảo hiểm, tính toán bảo hiểm, giám định tổn thất bảo hiểm, hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm”.

Tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư đã quy định các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thuộc hoạt động kinh doanh bảo hiểm, bao gồm: kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm. Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm là bộ phận cấu thành của hoạt động kinh doanh bảo hiểm nên việc bổ sung ngành “phụ trợ bảo hiểm” vào danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện sẽ bảo đảm sự tương đồng với 4 ngành, nghề nêu trên của hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Nếu không kiểm soát chất lượng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm bằng các quy định về điều kiện chuyên môn nghiệp vụ, tài chính thì sẽ không

bảo đảm quyền, lợi ích của người tham gia bảo hiểm, đồng thời ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội.

(ii) Tại khoản 3 Điều 4 Luật quy định “Các dịch vụ phụ trợ bảo hiểm mới phát sinh trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm do Chính phủ quy định và phải được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội”. Quy định này nhằm thực thi Điều 11.7 Chương 11 của Hiệp định CPTPP quy định về các dịch vụ tài chính mới phát sinh và quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Luật về cơ bản đã quy định đầy đủ các dịch vụ phụ trợ bảo hiểm hiện có trên thị trường trong nước và nước ngoài.

2. Đối với Luật Sở hữu trí tuệ

Nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ tập trung vào một số vấn đề sau đây:

a) Về sáng chế: Sửa đổi Điều 60 Luật Sở hữu trí tuệ theo hướng dành cho các đơn nộp vào Việt Nam hưởng ngoại lệ rộng hơn (không giới hạn về địa điểm bộc lộ và thời gian là 12 tháng kể từ ngày thông tin bị bộc lộ), cụ thể như sau:

“3. Sáng chế không bị coi là mất tính mới nếu được người có quyền đăng ký quy định tại Điều 86 của Luật này hoặc người có được thông tin về sáng chế một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ người đó bộc lộ công khai với điều kiện đơn đăng ký sáng chế được nộp trong thời hạn mười hai tháng kể từ ngày bộc lộ.

4. Quy định tại khoản 3 Điều này không áp dụng đối với trường hợp sáng chế được bộc lộ trong các đơn đăng ký quyền sở hữu trí tuệ hoặc văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đã được cơ quan sở hữu trí tuệ công khai cho công chúng tiếp cận trừ trường hợp việc này được thực hiện do sai sót của cơ quan sở hữu trí tuệ hoặc đơn được người thứ ba có được thông tin một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ người có quyền đăng ký quy định tại Điều 86 của Luật này nộp nhưng không được sự đồng ý của người có quyền đăng ký đó.”

b) Về chỉ dẫn địa lý:

- Sửa đổi khoản 1 Điều 80 về cách đánh giá một thuật ngữ là tên gọi chung của hàng hoá tại Việt Nam, theo đó bổ sung quy định việc đánh giá phải dựa trên cách hiểu của người tiêu dùng tại Việt Nam.

Đối với chỉ dẫn địa lý là thuật ngữ đa thành phần mà có thành phần là tên gọi chung của hàng hóa tại Việt Nam, việc đánh giá thành phần là tên gọi chung cũng được áp dụng tương tự như thuật ngữ là tên gọi chung tại Khoản 1 Điều 80 nên không cần bổ sung thêm lời văn.

Đối với dạng dịch nghĩa hoặc phiên tự của chỉ dẫn địa lý, hiện tại pháp luật Việt Nam không quy định thủ tục bảo hộ dạng dịch nghĩa hoặc phiên tự của chỉ dẫn địa lý. Tuy nhiên, trên thực tế, ta không bảo hộ các chỉ dẫn địa lý ở ngữ hệ khác (vì người tiêu dùng Việt Nam khó có thể phân biệt những chỉ dẫn địa lý ở các ngôn ngữ đó) mà bảo hộ bản dịch, phiên âm hoặc phiên tự của chỉ dẫn địa lý sang Tiếng Việt hoặc ngữ hệ Latin. Đơn đăng ký dạng dịch nghĩa, phiên âm hoặc phiên tự của chỉ dẫn địa lý trên thực tế vẫn được xử lý như đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý thông thường. Vì vậy, chỉ cần đưa nội dung này vào Quy chế hướng dẫn thẩm định là đủ để đáp ứng yêu cầu của Hiệp định CPTPP nên không cần đặt ra vấn đề sửa luật.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 80 Luật Sở hữu trí tuệ về đánh giá khả năng gây nhầm lẫn của chỉ dẫn địa lý với nhãn hiệu.

- Bổ sung Điều 120a về công nhận và bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo điều ước quốc tế, trong đó xác định việc công bố, xử lý ý kiến của người thứ ba, đánh giá điều kiện bảo hộ đối với chỉ dẫn địa lý trong đề nghị quốc tế được thực hiện theo các quy định tương ứng tại Luật này đối với chỉ dẫn địa lý trong đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý được nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

c) Về nhãn hiệu:

- Bổ sung vào Điều 89 Luật Sở hữu trí tuệ quy định đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp được nộp dưới hình thức văn bản ở dạng giấy cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp hoặc dạng điện tử theo hệ thống nộp đơn trực tuyến.

- Sửa đổi khoản 2 Điều 136 Luật Sở hữu trí tuệ về nghĩa vụ sử dụng nhãn hiệu và sửa đổi khoản 2, bổ sung khoản 3 Điều 148 Luật Sở hữu trí tuệ quy định về hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu nhằm đáp ứng quy định tại Điều 18.27 của Hiệp định CPTPP về việc không được yêu cầu phải đăng ký để xác định hiệu lực của việc chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu và phải coi việc sử dụng

nhãn hiệu của bên được chuyển quyền được coi là sử dụng nhãn hiệu của chủ sở hữu liên quan đến các thủ tục xác lập, duy trì và bảo vệ quyền đối với nhãn hiệu.

d) Về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ:

- Về biện pháp dân sự: Sửa đổi khoản 1 Điều 205 của Luật Sở hữu trí tuệ theo hướng bổ sung quy định về cách tính giá trị trong việc quyết định bồi thường thiệt hại để đáp ứng nghĩa vụ tại Điều 18.74.4 của Hiệp định CPTPP; bổ sung khoản 4 Điều 198 Luật Sở hữu trí tuệ theo hướng quy định Toà án có quyền yêu cầu bên thua kiện phải thanh toán cho bên thắng kiện để đáp ứng nghĩa vụ tại Điều 18.74.10 của Hiệp định CPTPP; bổ sung khoản 5 Điều 198 Luật Sở hữu trí tuệ quy định bồi thường thiệt hại do lạm dụng thủ tục bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ để đáp ứng nghĩa vụ tại Điều 18.74.15 của Hiệp định CPTPP.

- Về kiểm soát biên giới:

Sửa đổi khoản 1 Điều 218 Luật Sở hữu trí tuệ để đáp ứng nghĩa vụ tại Điều 18.76.4 của Hiệp định CPTPP, theo đó quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin cho chủ thể quyền của cơ quan hải quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định áp dụng biện pháp hành chính để xử lý đối với hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu và hàng hóa sao chép lậu.

đ) Hiệu lực thi hành:

Các quy định về sở hữu trí tuệ tại Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 đối với các trường hợp sau đây:

- Đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp có ngày nộp đơn từ ngày 14 tháng 01 năm 2019;

- Yêu cầu hủy bỏ hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý được cấp trên cơ sở đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp có ngày nộp đơn từ ngày 14 tháng 01 năm 2019;

- Yêu cầu chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu được thực hiện từ ngày 14 tháng 01 năm 2019;

- Vụ kiện xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được cơ quan có thẩm quyền thụ

lý từ ngày 14 tháng 01 năm 2019; yêu cầu khác về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được thực hiện từ ngày 14 tháng 01 năm 2019.

e) Điều khoản chuyển tiếp:

- Các đơn đăng ký sáng chế, chỉ dẫn địa lý được nộp trước ngày 14 tháng 01 năm 2019 được tiếp tục xử lý theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 36/2009/QH12.

- Các hợp đồng sử dụng nhãn hiệu đã ký kết giữa các bên nhưng chưa được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp trước ngày 14 tháng 01 năm 2019 chỉ có giá trị pháp lý đối với bên thứ ba kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2019.

- Các vụ kiện xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý trước ngày 14 tháng 01 năm 2019 nhưng chưa giải quyết xong thì tiếp tục áp dụng quy định của Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 36/2009/QH12 để giải quyết./.
